TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC – TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 04 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 02/2026/TLST/HNGĐ ngày 09 tháng 01 năm 2026 giữa:

Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị H**; sinh năm: 1984;

Căn cước công dân số: 002184023508, cấp ngày 01/12/2025, nơi cấp: Bộ Công an.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Tuyên Quang.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn H**; sinh năm: 1982;

Căn cước công dân số: 038082005541, cấp ngày: 18/7/2023; nơi cấp: Bộ Công an.

Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 6; điểm a Khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H xác nhận có 01 con chung và thống nhất chị Phạm Thị H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Văn M; Giới tính: Nam; Sinh ngày 28/04/2015. Việc cấp dưỡng tiền nuôi con do tự nguyện.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung, một hoặc hai bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con theo quy định của luật HN&GĐ.

2.3. Về tài sản chung, công nợ chung: Chị Phạm Thị H và anh Nguyễn Văn H đã tự thỏa thuận phân chia đề nghị Tòa án công nhận. Cụ thể:

2.3.1. Chị Phạm Thị H được quyền quản lý, sử dụng (quyền sở hữu) gồm:

- 01 mảnh đất đã có Giấy CNQSD đất số BO 184508, số GCN: CH00143 do UBND huyện Quản Bạ (cũ) cấp ngày 09/5/2014 mang tên bà Lộc Thì H; sinh năm 1990, Hộ khẩu thường trù: Thôn Đ, xã Q, huyện Q (nay là xã Q). Tại mục những thay đổi trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có ghi: Ngày 01/8/2017 chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị H, sinh năm: 1984.số CMND: 073105752 theo HĐCN số 01/HĐ-CNQSĐ ngày 28/07/2017 gồm thửa các đất số 483,484, tờ bản đồ số 85. Địa chỉ thửa đất: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang, nay là xã Q, tỉnh Tuyên Quang.

Tài sản gắn liền với đất: 01 nhà ở, xây 3 tầng kiên cố, tổng diện tích 200m^2 và công trình phụ trợ khác.

2.3.2 Anh Nguyễn Văn H được được hưởng **2.500.000.000,đ** (Hai tỷ năm trăm triệu đồng) tiền chệnh lệch về tài sản do chị Phạm Thị H thanh toán. Xác nhận chị H đã thanh toán xong cho anh Hùng số tiền trên.

2. 3.3. Về công nợ chung; Chị Phạm Thị H có trách nhiệm trả nợ Chi nhánh Ngân hàng ViettinBank Hà Giang (phòng giao dịch Q) số tiền gốc là **3.400.000.000,đ** (Ba tỷ bốn trăm triệu đồng) trước đây chị H và anh Nguyễn Văn H cùng vay là công nợ chung (đã được Ngân hàng chấp nhận).

2.3.4. Đối với số hàng hóa, nguồn vốn buôn bán phục vụ việc kinh doanh hiện nay của chị H và các tài sản khác vv… anh H thừa nhận không phải là tài sản chung của vợ chồng, không có tranh chấp và do chị H toàn quyền quản lý, sử dụng, định đoạt.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị H tự nguyện chịu toàn bộ án phí dân sự ly hôn là 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp Thi hành án dân sự tỉnh Tuyên Quang ngày 09/01/2026 (biên lai số: 0000057). Trả lại chị Phạm Thị H 150.000,đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND khu vực 7- Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Danh Nhân